

CHÍNH SÁCH THÚC ĐẨY HỌC TẬP SUỐT ĐỜI CỦA MỘT SỐ NƯỚC VÀ GỢI MỞ CHO GIÁO DỤC VIỆT NAM

ĐỖ THỊ NGỌC LỆ*

Trong thời đại mới, học tập suốt đời trở thành một yêu cầu tất yếu. Nhiều nước trên thế giới đã sớm nhận thức được điều này và ban hành nhiều chính sách hiệu quả. Trên cơ sở phân tích một số chính sách thúc đẩy học tập suốt đời của các nước ở khu vực châu Á, như: Nhật Bản, Trung Quốc, Hàn Quốc và Singapore, bài viết đưa ra một số gợi mở cho chính sách học tập suốt đời ở Việt Nam.

Từ khóa: Chính sách; học tập suốt đời; giáo dục Việt Nam; kinh nghiệm quốc tế; trung tâm học tập cộng đồng.

In the new era, lifelong learning has become essential. Many countries around the world have long recognized this trend and issued various effective policies. Based on an analysis of lifelong learning promotion policies across several Asian countries, including Japan, China, South Korea, and Singapore, this article offers policy implications for Vietnam.

Keywords: Policy; lifelong learning; education in Vietnam; international experience; community learning centers.

NGÀY NHẬN: 10/01/2026

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 26/4/2026

NGÀY DUYỆT: 18/6/2026

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.365.2026.1543>

1. Đặt vấn đề

Nhiều nước trên thế giới đã sớm có sự chuẩn bị cả về hành lang pháp lý và cơ sở vật chất, hạ tầng, tài chính, nhân lực... để phát triển học tập suốt đời, có thể kể đến mô hình thành phố học tập của Nhật Bản, mô hình công dân học tập của Hàn Quốc hay chính sách về học tập suốt đời của Trung Quốc và chính sách Skillfuture (SSG) của Singapore.

Tại Việt Nam, cụm từ “học tập suốt đời” lần đầu tiên được nhắc tới tại Hội nghị lần thứ 2 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) vào tháng 12/1996. Tiếp đó, ngày 13/4/2007, Bộ Chính trị ban hành Chỉ thị số 11-CT/TW và tại Kết luận số 49-KL/TW ngày

10/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 11-CT/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập cho thấy sự quyết tâm học tập suốt đời trong bối cảnh chuyển đổi số trở thành tâm điểm của chính sách quốc gia. Trong quá trình tìm kiếm một mô hình giáo dục phù hợp với điều kiện và định hướng phát triển của đất nước cũng như hài hòa với bối cảnh thời đại, những chính sách, mô hình thúc đẩy học tập suốt đời ở những quốc gia

* *ThS, NCS của Trường Đại học Công nghệ Kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh*

kể trên có thể đem lại những kinh nghiệm quý báu và thiết thực cho Việt Nam.

2. Một số kinh nghiệm quốc tế về chính sách thúc đẩy học tập suốt đời

2.1. Chính sách của Nhật Bản

Từ năm 1979, Chính phủ Nhật bản đã chọn thành phố Kakegawa làm thành phố thực hiện việc học tập suốt đời cho người dân. Vì vậy, có thể coi Nhật Bản là quốc gia có thành phố học tập đầu tiên trên thế giới¹. Để đưa ra những chính sách đúng đắn cho giáo dục suốt đời, Nhật Bản đã thành lập Tiểu ban về học tập suốt đời vào năm 1990, trực thuộc Hội đồng giáo dục trung ương (cơ quan tư vấn của Bộ Giáo dục). Cùng năm đó, “*Luật về duy trì hệ thống khuyến khích học tập suốt đời*” đã được ban hành với mục đích là thể chế hóa các khuyến nghị về học tập suốt đời của Hội đồng giáo dục trung ương.

Thứ nhất, Luật về duy trì hệ thống khuyến khích học tập suốt đời quy định một hệ thống cơ quan khuyến khích học tập suốt đời thuộc quyền quản lý của Bộ Giáo dục thay vì trao quyền cho các địa phương cấp quận (huyện) hay xã; quy định Hội đồng học tập suốt đời cấp quận (huyện) được liên lạc trực tiếp với Hội đồng của Bộ Giáo dục mà không bị cai quản bởi chính quyền địa phương. Tại Điều 3 về trách nhiệm của Hội đồng giáo dục suốt đời cấp quận (huyện) bao gồm: thu thập và cung cấp tài liệu thông tin về việc học và các cơ hội hoạt động văn hóa; điều tra, nghiên cứu nhu cầu về học tập và đánh giá kết quả học tập; phát triển các phương pháp học tập và các chương trình thích hợp với nhu cầu của cộng đồng; cung cấp sự đào tạo cho các lãnh đạo và cố vấn, cùng với sự hỗ trợ tư vấn cho các tổ chức văn hóa và giáo dục địa phương; quản lý các lớp học giáo dục về xã hội và cung cấp các cơ hội học tập khác.

Thứ hai, Chính phủ Nhật Bản cho phép đưa tư nhân vào các hoạt động giáo dục. Xuất phát từ việc bản chất của quan niệm học tập suốt đời rộng lớn, bao hàm cả trường học và các lĩnh vực khác ngoài phạm vi nhà trường,

như: xã hội và văn hóa, thể thao, Chính phủ Nhật Bản cho phép các bộ khác, ngoài Bộ Giáo dục còn có Bộ Công nghiệp và Thương mại quốc tế tham dự vào chính sách giáo dục ở cấp quốc gia.

Thứ ba, từ sớm Nhật Bản đã thành lập các Trung tâm học tập cộng đồng, gọi là các Kominkan² ở các địa bàn dân cư từ thành thị đến nông thôn. Các Kominkan này cung cấp nhiều lớp học đa dạng (về kỹ năng, nghề nghiệp, văn hóa, nghệ thuật, thể thao) cho tất cả người dân, đáp ứng nhu cầu học tập suốt đời.

2.2. Chính sách của Singapore

Singapore là một trong số các quốc gia ở châu Á phát triển sớm nhất mô hình học tập suốt đời và coi đây như chiến lược để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao của quốc gia. Chương trình thúc đẩy học tập suốt đời đã được Singapore triển khai từ năm 2015, mang lại nhiều kết quả vượt trội, đó là chương trình SkillsFuture Singapore (SSG) - cung cấp cho người dân nước này cơ hội phát triển hết khả năng của họ trong suốt cuộc đời, qua đó phát huy được phong trào học tập suốt đời ở quy mô quốc gia³. Chương trình xác định 4 mục tiêu: (1) Hỗ trợ công dân có được những lựa chọn đúng đắn về giáo dục, đào tạo và nghề nghiệp; (2) Phát triển hệ thống giáo dục đào tạo tích hợp, chất lượng cao đáp ứng những thay đổi liên tục của thị trường lao động; (3) Thúc đẩy sự công nhận của nhà tuyển dụng và phát triển nghề nghiệp dựa trên kỹ năng và sự thành thạo; (4) Thúc đẩy một nền văn hóa hỗ trợ và tôn vinh việc học tập suốt đời.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, chương trình SSG bắt đầu từ khâu hướng nghiệp và có lộ trình học để đạt được mục tiêu. Đồng thời, công dân được cấp một khoản tiền 500 đô Singapore (tương đương 8,8 triệu đồng tiền Việt Nam), không giới hạn thời gian sử dụng để hỗ trợ trang bị kỹ năng hoặc khởi nghiệp.

Một trong những điểm sáng của chương trình SSG là khả năng tùy chỉnh theo nhu cầu

học tập đa dạng của người học thông qua việc sàng lọc và phân loại theo nhóm: giai đoạn đầu sự nghiệp và giai đoạn giữa của sự nghiệp hoặc phân loại theo đối tượng học sinh và người đi làm. Việc phân loại theo nhóm như vậy giúp chương trình SSG xác định chính xác hơn đặc điểm và nhu cầu học tập của từng nhóm, từ đó tư vấn hoặc đưa ra các hỗ trợ khóa học phù hợp trong tiến trình học tập suốt đời của họ.

2.3. Chính sách của Trung Quốc

Học tập suốt đời được xác định và phê chuẩn qua các văn bản pháp luật của Trung Quốc từ năm 1995, đặc biệt, thể hiện trong *Luật Giáo dục*. Để thúc đẩy học tập suốt đời, Chính phủ Trung Quốc đã tiến hành cải cách giáo dục theo hướng xã hội hóa giáo dục, tập trung vào việc mở rộng giáo dục bắt buộc 9 năm, xóa mù chữ, và phát triển các chương trình giáo dục cho người lớn, dạy nghề, cùng với việc ứng dụng công nghệ số trong giáo dục. Các trường công lập tiếp tục đóng vai trò lớn nhưng các trường tư thục và bán tư thục cũng được tạo điều kiện để phát triển, đáp ứng nhu cầu gia tăng về giáo dục cơ bản. Trường giáo dục dành cho người trưởng thành cũng được chính quyền địa phương, cộng đồng và các doanh nghiệp tài trợ. Nhờ vậy, hàng ngàn trường dành cho học viên lớn tuổi đã được mở ra, các khóa đào tạo nâng cao chuyên môn hoặc các kỹ năng cần thiết cũng được mở ra nhiều hơn cho người trưởng thành, tạo điều kiện lớn cho người học có nhu cầu học tập suốt đời.

Đại học Cấp Nhĩ Tân là trường đại học đầu tiên dành cho người cao tuổi tại Trung Quốc, (thành lập vào năm 1984), sau đó loại hình trường này được phát triển ở các thành phố khác, như: Thẩm Dương, Thượng Hải và Thiên Tân. Ở các trường dành cho học viên lớn tuổi, chương trình học được thiết kế với các môn học đa dạng, bao gồm cả việc học kiến thức, kỹ năng và lối sống. Chính sách về học tập suốt đời nằm trong chiến lược xây dựng xã hội học tập của Chính phủ Trung Quốc. Từ năm 2003,

Bắc Kinh đã bắt tay xây dựng Đề án Thành phố học tập - Thành phố thúc đẩy việc học tập suốt đời cho tất cả mọi người. Từ năm 2009, đã có 200 thành phố của Trung Quốc tham gia chương trình xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2010 - 2020 và chính sách này được tiếp tục sử dụng cho đến hiện tại⁴.

2.4. Chính sách của Hàn Quốc

Chính sách học tập suốt đời của Hàn Quốc được xây dựng dựa trên 3 trụ cột chính, bao gồm: (1) Phát triển đầy đủ tiềm năng con người và cải thiện đời sống. (2) Tăng khả năng tìm kiếm việc làm và năng lực tự tạo việc làm. (3) Thúc đẩy năng lực hòa nhập xã hội, hình thành một xã hội hòa nhập, phát triển công dân trưởng thành qua giáo dục công dân. Trên cơ sở đó, Chính phủ Hàn Quốc xây dựng mô hình công dân học tập với 7 yếu tố, tập trung vào việc xây dựng ý thức và năng lực của công dân. Trong đó, ý thức học tập suốt đời và ý thức đóng góp cho xã hội là hai chuẩn mực quan trọng.

Để thúc đẩy học tập suốt đời và coi đây như chiến lược nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của quốc gia, Chính phủ Hàn Quốc đã sớm đưa học tập suốt đời vào *Hiến pháp* và *Luật Giáo dục suốt đời* năm 1999. *Luật Giáo dục suốt đời* của Hàn Quốc quy định chi tiết về trách nhiệm của quốc gia đối với việc thúc đẩy học tập suốt đời với những cam kết chính trị rõ ràng. Theo đó, Chính phủ Hàn Quốc ban hành các kế hoạch quốc gia khuyến khích học tập suốt đời, lần thứ nhất là trong giai đoạn 2002 - 2006, lần hai (2008 - 2012). Cùng với đó, Hàn Quốc phát triển đồng bộ một hệ thống quản lý, chỉ đạo giáo dục suốt đời và học tập suốt đời. Hệ thống này chịu trách nhiệm cả việc hoạch định và thực thi chính sách.

Để thúc đẩy văn hóa đọc sách - một trong những nền tảng của việc học suốt đời, Hàn Quốc thành lập các thư viện thông minh thu nhỏ ngay tại các ga tàu điện ngầm. Theo số liệu của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch Hàn Quốc, có 62 thư viện thông minh trên toàn

quốc đã được sử dụng 1,24 triệu lần trong năm 2020, tăng 62,6% so với 776.850 lần vào năm 2019⁵.

3. Một số gợi mở cho chính sách học tập suốt đời ở Việt Nam

Thứ nhất, chuẩn hóa khái niệm “học tập suốt đời”. Tuy nhiên, ở Việt Nam khái niệm “học tập suốt đời” chưa được hiểu thống nhất trong các nghiên cứu, hoạt động hoạch định chính sách và trong thực tiễn. Hoặc là sử dụng “học tập suốt đời” tương tự như “giáo dục suốt đời”⁶ (trong khi hai khái niệm này rất khác nhau) hoặc là định nghĩa “học tập suốt đời” một cách đơn giản và ngắn gọn, dẫn đến bỏ sót những khía cạnh cốt lõi của học tập suốt đời như sự phức tạp của học tập suốt đời và sự phát triển các tiềm năng cả về phẩm chất và năng lực của người học⁷. Vì vậy, Việt Nam cần xây dựng và chuẩn hóa khái niệm, nêu rõ nội hàm của “học tập suốt đời”, tạo cơ sở cho xây dựng chính sách và nghiên cứu thực tiễn.

Thứ hai, xây dựng và hoàn chỉnh khung pháp lý cho học tập suốt đời ở Việt Nam. Kinh nghiệm của Hàn Quốc cho thấy, để xây dựng khung pháp lý cho học tập suốt đời, Chính phủ nước này đã ban hành *Luật Giáo dục suốt đời*, bao gồm “ý tưởng về cải cách giáo dục trên mọi lĩnh vực và suốt đời” nhưng giới hạn phạm vi trong các loại hình học tập và hoạt động giáo dục có tổ chức được thực hiện ngoài hệ thống giáo dục chính quy⁸. Đối với Việt Nam, việc có cần xây dựng *Luật Giáo dục suốt đời* riêng hay chỉ đưa vào như một phần của *Luật Giáo dục* hiện nay, vẫn còn những tranh cãi. Tuy nhiên, nếu chưa thể xây dựng một luật riêng thì các quy định về học tập suốt đời cần được xây dựng thành một chương riêng trong *Luật Giáo dục* hiện hành; đồng thời, quy định rõ phạm vi áp dụng có hay không bao gồm hình thức học tập chính quy.

Thứ ba, chuẩn hóa các mô hình “công dân học tập suốt đời”, “xã (phường) học tập” và “tỉnh, thành phố học tập” trong mạng lưới học tập suốt đời của quốc gia. Mô hình thử

nghiệm “Trung tâm học tập cộng đồng” đã ra đời tại Việt Nam từ năm 1997 - 2003, mô hình “xã (phường) học tập” cũng đã được định hình và triển khai ở nhiều địa phương nhưng hạt nhân của mạng lưới học tập suốt đời là mô hình “công dân học tập” thì chỉ mới được xây dựng năm 2023 và được đánh giá bởi các chi hội khuyến học các cấp. Theo đó, việc đánh giá mô hình công dân học tập dựa trên 4 nhóm, bao gồm: *nhóm I*: dùng cho nông dân và lao động nông thôn; *nhóm II*: dùng cho công nhân, lao động tiểu thủ công, thợ sửa chữa thiết bị gia dụng; *nhóm III*: dùng cho cán bộ, công chức, viên chức, nhân viên từ cấp xã trở lên; *nhóm IV*: học sinh, sinh viên, học viên. Điều này cần được ghi nhận là một bước tiến bộ trong chính sách thúc đẩy học tập suốt đời của Việt Nam nhưng cần khắc phục hai tồn tại: (1) Các tiêu chí đánh giá cần tiếp tục chuẩn hóa và đi vào thực chất (hiện tại các tiêu chí đa phần dựa vào sự tự giác và trung thực của người khai báo); (2) Cần triển khai đồng bộ giữa các địa phương.

Thứ tư, cần có những chính sách sáng tạo, phù hợp với tính đặc thù của học tập suốt đời. Trong bối cảnh chuyển đổi số hiện nay, các loại hình giáo dục trực tuyến phát triển mạnh hơn nhưng cơ chế, chính sách công nhận kết quả học tập trực tuyến, văn bằng số hay sở hữu trí tuệ đối với học liệu số lại chưa theo kịp. Vì vậy, muốn đẩy mạnh học tập suốt đời, cần có những chính sách, chương trình mang tính đặc thù như chương trình SkillsFuture của Singapore, loại hình trường đại học dành cho người lớn tuổi ở Trung Quốc hay kế hoạch quốc gia khuyến khích học tập suốt đời như của Hàn Quốc.

Thứ năm, cần có chính sách thúc đẩy học tập suốt đời ở những vùng sâu, vùng xa, bởi các vùng này vẫn còn nhiều thách thức, như: thiếu thiết bị, tư liệu học tập, thiếu giáo viên hoặc người hướng dẫn, điều kiện kinh tế khó khăn, cơ hội tiếp cận công nghệ còn hạn chế. Vì vậy, qua kinh nghiệm những thành tựu của công nghệ số được tham khảo từ các quốc gia, tiếp tục triển khai rộng hơn ở khu vực Tây

Nguyên, miền Trung, miền Tây và Đông Bắc Việt Nam. Ngoài ra, cần phát triển thêm sách song ngữ tiếng Việt - tiếng dân tộc để người dân tộc thiểu số có nhiều cơ hội hơn trong tiếp cận tri thức.

Thứ sáu, tiếp tục gắn học tập suốt đời với đời sống, sinh kế và phát triển kinh tế địa phương. Theo kinh nghiệm của Trung Quốc, các khóa học ngắn hạn đào tạo nghề, khởi nghiệp hoặc sản xuất nông nghiệp mang lại hiệu quả cao. Theo điều kiện hiện tại của Việt Nam, có thể triển khai các lớp học nông nghiệp công nghệ cao, sản xuất sạch, phân bón hữu cơ, kỹ thuật trồng trọt - chăn nuôi theo mô hình kinh tế tuần hoàn; đào tạo kỹ năng xây dựng và vận hành du lịch cộng đồng... Để đạt hiệu quả cao và tạo sự đồng bộ, nên lồng ghép các hoạt động học tập suốt đời với các chương trình mục tiêu quốc gia đã được triển khai trước, như: giảm nghèo bền vững, xây dựng nông thôn mới...

Thứ bảy, xây dựng và bảo đảm các điều kiện hỗ trợ cho học tập suốt đời. Vì vậy, cần tăng cường đầu tư ngân sách và huy động xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp hỗ trợ thiết bị số hay tài trợ học bổng kỹ năng nghề, phối hợp đào tạo... Đồng thời, cần phối hợp đa ngành giữa Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Bộ Khoa học và Công nghệ... Phải có cơ chế giám sát và đánh giá định kỳ để đo lường hiệu quả hàng năm, tạo cơ sở cho việc điều chỉnh chính sách. Ngoài ra, cần tranh thủ những chính sách của Tổ chức UNESCO về thúc đẩy học tập suốt đời. Các khuyến nghị của UNESCO về giáo dục người lớn và học tập suốt đời, các khuyến nghị và hỗ trợ kỹ thuật của Viện UNESCO về Học tập suốt đời hoặc sự hỗ trợ từ mạng lưới các thành phố học tập toàn cầu.

4. Kết luận

Học tập suốt đời đang trở thành nhu cầu tất yếu, chiến lược phát triển của nhiều nước trên thế giới ngày nay. Các quốc gia ở khu vực châu Á, như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và Singapore đã ban hành nhiều

chương trình, chính sách, mô hình thúc đẩy học tập suốt đời, đóng góp quan trọng vào việc phát triển nền kinh tế tri thức và tăng khả năng cạnh tranh của quốc gia. Những năm gần đây, việc xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời được Tổng Bí thư Tô Lâm khẳng định: “học tập suốt đời trở thành một quy luật sống”⁹, “đã trở thành phong trào, thành nhu cầu, thành nếp văn hóa”¹⁰, điều này cho thấy, dưới sự lãnh đạo của Đảng trên con đường vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ và văn minh. Thành công của các nước về học tập suốt đời đem đến nhiều gợi mở quý báu cho Việt Nam, tuy nhiên, mỗi quốc gia sẽ mang những nét đặc thù riêng về lịch sử, văn hóa và điều kiện kinh tế - xã hội, vì vậy, việc học tập theo kinh nghiệm của các quốc gia cũng cần có những nghiên cứu chuyên sâu và áp dụng thử nghiệm ở nhóm nhỏ, tổng kết rút kinh nghiệm, sau đó mở rộng toàn quốc □

Chú thích:

1. Phạm Tất Dong (2019). *Học tập suốt đời và xây dựng xã hội học tập xu thế phát triển tất yếu*. H. NXB Dân trí, tr. 56.

2. *Kominkan và các bài học thực tiễn đối với trung tâm học tập cộng đồng*. <https://tphcm.chinhphu.vn>, ngày 25/11/2014.

3. *Học gì từ chương trình SkillsFuture của Singapore?* <https://nhandan.vn>, ngày 08/9/2023.

4. *Statistical report on China's educational achievements in 2022*. <http://en.moe.gov.cn>, truy cập ngày 20/12/2025.

5. *Hàn Quốc: Thư viện thông minh “lên ngôi” trong đại dịch*. <https://baovanhoa.vn>, ngày 24/02/2022.

6. Bùi Hiền (chủ biên) (2015). *Từ điển Giáo dục học*. H. NXB Khoa học và kỹ thuật, tr.195.

7. Phạm Thị Lan Phương, Dương Bá Vũ, Nguyễn Hoàng Thiện (2021). *Trường đại học phát triển năng lực học tập suốt đời cho người học đáp ứng yêu cầu Cách mạng công nghiệp 4.0*. Tạp chí Khoa học Quản lý giáo dục, số 01 (29), tháng 3/2021, tr. 25.

8. *Gợi mở khung Luật Học tập suốt đời*. <https://giaoducthoidai.vn>, ngày 26/11/2024.

9, 10. Bài viết của Tổng Bí thư Tô Lâm: *Học tập suốt đời*. <https://baochinhphu.vn>, ngày 02/3/2025.